

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;

Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-KTNS ngày 16 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung, bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 theo quy định tại Điều 51, khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm

2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Quyết định điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025 từ 107.558.337 triệu đồng lên 107.926.918 triệu đồng (tăng 368.581 triệu đồng), trong đó:

a) Điều chỉnh giảm tổng nguồn đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 do hụt một số nguồn thu ngân sách năm 2021: 1.096.437 triệu đồng.

b) Bổ sung vốn đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025: 1.465.018 triệu đồng, từ:

- Nguồn vượt thu ngân sách thành phố năm 2021: 551.403 triệu đồng;

- Nguồn vốn đóng góp của các doanh nghiệp để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải:

913.615 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I - Gửi kèm)

2. Điều chỉnh, bổ sung vốn dự phòng đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2021 - 2025, trong đó:

a) Điều chỉnh, bổ sung mức vốn dự phòng đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2021 - 2025 từ 4.832.703,835 triệu đồng lên 5.782.520,635 triệu đồng, cụ thể:

- Bổ sung 581.235,8 triệu đồng do dừng, chấm dứt hiệu lực chủ trương đầu tư 02 dự án.

- Bổ sung 1.465.018 triệu đồng từ:

+ Nguồn vượt thu ngân sách thành phố năm 2021: 551.403 triệu đồng;

+ Nguồn vốn đóng góp của các doanh nghiệp để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải:

913.615 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm tổng nguồn đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 do hụt một số nguồn thu ngân sách năm 2021: 1.096.437 triệu đồng.



b) Phân bổ toàn bộ số dự phòng vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2021 - 2025 là 5.782.520,635 triệu đồng để bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các chương trình, dự án đã đủ thủ tục đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục II - Gửi kèm)

3. Bổ sung 5.782.520,635 triệu đồng cho các chương trình, dự án như sau:

a) Chương trình đầu tư xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn các quận giai đoạn 2021 - 2025: 1.601.933,140 triệu đồng;

b) 07 dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư thực hiện mới:

1.674.118,836 triệu đồng;

c) 06 dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư: 1.573.795,259 triệu đồng;

d) 02 dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

19.058,400 triệu đồng;

đ) 01 dự án chuyển tiếp (Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải): 913.615 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III - Gửi kèm)

Điều 3. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022 như sau:

1. Điều chỉnh giảm số vốn đầu tư công năm 2022 chưa phân bổ từ 3.346.301,555 triệu đồng xuống 0 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV - Gửi kèm)

2. Bổ sung 3.346.301,555 triệu đồng cho các dự án như sau:

a) 06 dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

116.675,350 triệu đồng;

b) 14 dự án chuyển tiếp:

2.013.568,000 triệu đồng;

c) 09 dự án mới:

1.216.058,205 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục V - Gửi kèm)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm về hồ

sơ, tính chính xác số liệu của các dự án; chỉ đạo rà soát để kịp thời đưa ra khỏi danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư công những dự án không khả thi, không đủ điều kiện sử dụng vốn đầu tư công; bảo đảm giải ngân hết số vốn được bố trí bổ sung theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- TTTU, TTHĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo HP, Cổng TTĐTTP;
- Báo HP, Đài PT và TH HP,
- Các CV ĐĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH. *ok*



Phạm Văn Lập





PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số **21**/NQ-HĐND ngày **20** tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		
		Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/Giảm
A	TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG	107.558.337	107.926.918	368.581
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	6.972.105	6.972.105	0
1	Vốn trong nước	4.077.190	4.077.190	0
2	Vốn nước ngoài	2.894.915	2.894.915	0
II	NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	100.586.232	100.954.813	368.581
1	Nguồn vốn đầu tư công cân đối trong năm kế hoạch	89.211.232	88.114.795	-1.096.437
1.1	Nguồn XDCB TT	52.128.547	51.980.595	-147.952
-	Trong đó: Chi đầu tư từ nguồn thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển	5.825.000	5.677.048	-147.952
1.2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	36.881.685	35.933.200	-948.485
1.3	Nguồn xổ số kiến thiết	201.000	201.000	0
2	Vốn vay	10.000.000	10.000.000	0
2.1	Trái phiếu chính quyền địa phương	9.750.943	9.750.943	0
2.2	Vay lại ODA	249.057	249.057	0
3	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2020 chuyển sang	1.375.000	1.375.000	0
4	Bổ sung nguồn đầu tư công từ nguồn vượt thu ngân sách cấp thành phố năm 2021		551.403	551.403
5	Tiền đóng góp của các doanh nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ		913.615	913.615

**PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số **21** /NQ-HĐND ngày **20** tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Dự án	Tổng số	Ghi chú
A	NGUỒN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ ĐẾN THÁNG 7/2022	5.782.520,635	
1	Dự phòng vốn đầu tư công trung hạn chưa phân bổ theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND, 12/4/2022	4.832.703,835	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/4/2022
2	Nguồn đầu tư công trung hạn bổ sung từ thu hồi các dự án hủy, chấm dứt hiệu lực chủ trương đầu tư	581.235,800	
2.1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Hải Phòng - Giai đoạn 1 sử dụng vốn ODA	220.161,000	Điều chỉnh giảm vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho 02 dự án tại Nghị quyết số 65/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của HĐND TP là 581.235,8 triệu đồng
2.2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	361.074,800	
3	Bổ sung nguồn đầu tư công từ nguồn vượt thu ngân sách cấp thành phố năm 2021	551.403,000	
4	Tiền đóng góp của các doanh nghiệp để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ	913.615,000	
5	Điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư công do thu một số nguồn thu ngân sách thành phố năm 2021	1.096.437,000	
B	PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 7/2022	5.782.520,635	
1	Bổ sung vốn trung hạn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư	5.782.520,635	
C	DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỐ	0,000	

PHỤ LỤC III: DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **24** /NQ-HĐND ngày **20** tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng.

Stt	Số dự án	Dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó: NSTP	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 02/NQ-HĐND ngày 12/4/2022	KH vốn trung hạn kỳ này	Tăng/Giảm	
	17	TỔNG SỐ		15.223.492,112	13.394.345,117	7.830.780,897	13.613.301,532	5.782.520,635	
I	1	Chương trình đầu tư công		2.631.000,000	2.126.000,000	502.570,860	2.104.504,000	1.601.933,140	
1	1	Chương trình đầu tư xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn các quận giai đoạn 2021 - 2025	06/NQ-HĐND ngày 12/4/2022	2.631.000,000	2.126.000,000	502.570,860	2.104.504,000	1.601.933,140	
II	7	Dự án phê duyệt mới chủ trương đầu tư		1.801.822,777	1.680.522,777	6.103,941	1.680.222,777	1.674.118,836	
II.1	4	Các hoạt động kinh tế		1.498.575,457	1.467.275,457	2.775,423	1.466.975,457	1.464.200,034	
	1	Nông nghiệp, lâm nghiệp		111.800,969	111.800,969	833,275	111.500,969	110.667,694	
1	1	Dự án phòng, chống sạt lở núi Thiên Văn, quận Kiến An (giai đoạn 1)	2260/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	111.800,969	111.800,969	833,275	111.500,969	110.667,694	
	1	Giao thông		1.066.840,000	1.066.840,000	382,084	1.066.840,000	1.066.457,916	
1	1	Xây dựng đường Đỗ Mười kéo dài đến đường trục VSIP và phát triển đô thị vùng phụ cận	2262/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.066.840,000	1.066.840,000	382,084	1.066.840,000	1.066.457,916	
	2	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		319.934,488	288.634,488	1.560,064	288.634,488	287.074,424	
1	1	Xây dựng khu tái định cư đảo Cát Hải tại xã Nghĩa Lộ và tuyến đường kết nối khu tái định cư với đường Tân Vũ - Lạch Huyện	1728/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	232.963,488	232.963,488	1.560,064	232.963,488	231.403,424	
2	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại tổ dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An	2266/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	86.971,000	55.671,000		55.671,000	55.671,000	
II.2	1	Bảo vệ môi trường		99.715,600	99.715,600	1.602,024	99.715,600	98.113,576	
1	1	Xây dựng Trung tâm điều khiển tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường và lắp đặt các trạm quan trắc môi trường tự động giai đoạn 1	2281/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	99.715,600	99.715,600	1.602,024	99.715,600	98.113,576	



Stt	Số dự án	Dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
			Số Nghị quyết/Quyết định	TMĐT / Giá trị dự toán		Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 02NQ-HĐND ngày 12/4/2022	KH vốn trung hạn kỳ này	Tăng/Giảm	
				Tổng số	Trong đó: NSTP				
II.3	1	Y tế		105.328,720	105.328,720	1.643,788	105.328,720	103.684,932	
1	1	Xây dựng nhà điều trị bệnh nhân 7 tầng tại Bệnh viện Kiến An	2288/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	105.328,720	105.328,720	1.643,788	105.328,720	103.684,932	
II.4	1	Xã hội		98.203,000	8.203,000	82,706	8.203,000	8.120,294	
1	1	Xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng nâng cao năng lực cơ sở trợ giúp xã hội thành phố Hải Phòng	12/NQ-HĐND ngày 14/4/2022	98.203,000	8.203,000	82,706	8.203,000	8.120,294	
III	6	Dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư		8.306.574,92	8.303.545,92	6.069.139,10	7.642.934,36	1.573.795,26	
III.1	4	Các hoạt động kinh tế		3.456.435,92	3.453.406,92	2.036.520,10	2.798.295,36	761.775,26	
1	1	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		140.862,000	140.862,000	134.527,000	140.862,000	6.335,000	
1	1	Xây dựng công viên cây xanh nút giao Nam cầu Bính	14/NQ-HĐND ngày 12/4/2022	140.862,000	140.862,000	134.527,000	140.862,000	6.335,000	
2	3	Giao thông		3.315.573,924	3.312.544,924	1.901.993,096	2.657.433,355	755.440,259	
1	1	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10, đoạn từ cầu Đá Bạc đến cầu Kiền	3095/QĐ-UBND ngày 07/10/2020; 2287/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	1.653.790,261	1.653.790,261	908.720,214	1.330.680,692	421.960,478	
2	1	Xây dựng, cải tạo đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, huyện Thủy Nguyên	1408/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	1.245.003,663	1.245.003,663	941.325,301	1.043.901,663	102.576,362	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Hóa, nối giữa huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	63/NQ-HĐND ngày 09/12/2019	416.780,000	413.751,000	51.947,581	282.851,000	230.903,419	
III.2	2	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước		4.850.139,000	4.850.139,000	4.032.619,000	4.844.639,000	812.020,000	
1	1	Xây dựng công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố, hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm	16/NQ-HĐND ngày 12/4/2022	2.513.243,000	2.513.243,000	2.247.277,000	2.507.743,000	260.466,000	



Stt	Số dự án	Dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú	
			Số Nghị quyết/Quyết định	TMĐT / Giá trị dự toán		Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 02NQ-HĐND ngày 12/4/2022	KH vốn trung hạn kỳ này		Tăng/Giảm
				Tổng số	Trong đó: NSTP				
2	1	Xây dựng công trình Trung tâm Hội nghị - Biểu diễn thành phố và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cẩm	17/NQ-HĐND ngày 12/4/2022	2.336.896,000	2.336.896,000	1.785.342,000	2.336.896,000	551.554,000	
IV	2	Dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành		200.056,411	27.009,416	0,000	19.058,400	19.058,400	
IV.1	1	Bảo vệ môi trường		83.289,000	8.126,000	0,000	175,000	175,000	
1	1	Dự án các công trình hệ thống xử lý chất thải 10 bệnh viện đa khoa thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện do Ngân hàng thế giới tài trợ	73/QĐ-STC ngày 26/12/2018; 87/QĐ-STC ngày 26/12/2018	83.289,000	8.126,000	0,000	175,000	175,000	Đã quyết toán
IV.2	1	Các hoạt động kinh tế		116.767,411	18.883,416	0,000	18.883,400	18.883,400	
1	1	Nông nghiệp, lâm nghiệp		116.767,411	18.883,416	0,000	18.883,400	18.883,400	
1	1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi Lai - Sàng - Họng thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ	51/QĐ-STC ngày 28/9/2017; 2261/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	116.767,411	18.883,416	0	18.883,400	18.883,400	Đã quyết toán
V	1	Dự án chuyển tiếp		2.284.038,000	1.257.267,000	1.252.967,000	2.166.582,000	913.615,000	
V.1	1	Các hoạt động kinh tế		2.284.038,000	1.257.267,000	1.252.967,000	2.166.582,000	913.615,000	
	1	Nông nghiệp, lâm nghiệp		2.284.038,000	1.257.267,000	1.252.967,000	2.166.582,000	913.615,000	
1		Đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	955/QĐ-UBND ngày 20/12/2010; 2584/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 2131/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	2.284.038,000	1.257.267,000	1.252.967,000	2.166.582,000	913.615,000	Tiền đóng góp của các doanh nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư





PHỤ LỤC IV: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số **21** /NQ-HĐND ngày **20** tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
		Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 02/NQ-HĐND ngày 12/4/2022 và các QĐ giao vốn CBĐT của UBND TP	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/Giảm (+/-)	
	TỔNG SỐ	16.815.538	16.815.538	0	
1	Ghi thu ghi chi tiền đất	1.500.000	1.500.000	0	
2	Phân cấp cho các quận, huyện	2.831.118	2.831.118	0	
-	Hỗ trợ vốn đầu tư công từ NSTP	1.617.831	1.617.831	0	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền đất của các quận, huyện	1.213.287	1.213.287	0	
3	Chương trình đầu tư xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn các quận giai đoạn 2021 - 2025	105.000	105.000	0	
4	Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu	2.626.199	2.626.199	0	
5	Công tác quy hoạch	30.000	30.000	0	
6	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng	99.240	99.240	0	
7	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	10.000	10.000	0	
-	Quỹ hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân thành phố Hải Phòng	5.000	5.000	0	
-	Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển thành phố Hải Phòng thuộc Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố Hải Phòng	5.000	5.000	0	
8	Bố trí vốn thực hiện đầu tư và chuẩn bị đầu tư cho các dự án của thành phố	9.613.982	9.613.982	0	
8.1	Vay lại ODA	12.500,000	12.500	0	
8.2	Phân bổ chi tiết cho các dự án	6.255.179,740	9.601.481,295	3.346.301,555	Phụ lục V
-	Trong đó: Vốn CBĐT được Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ theo điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	69.536,000	69.536,000		
8.3	Vốn còn lại chưa phân bổ	3.346.301,555	0	-3.346.301,555	

PHỤ LỤC V: BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CHO CÁC DỰ ÁN
(Kèm theo Nghị quyết số **21** /NQ-HĐND ngày **20** tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Quyết định đầu tư, điều chỉnh/Quyết toán/Giá trị dự toán			Vốn đầu tư công năm 2022 bổ sung kỳ này
		Số Quyết định	TMĐT/Giá trị quyết toán	Trong đó: NSTP	Tổng số
	TỔNG SỐ		24.884.201,705	22.477.809,407	3.346.301,555
I	Dự án được phê duyệt quyết toán		1.339.491,728	404.599,717	116.675,350
I.1	Các hoạt động kinh tế		238.256,313	140.372,302	20.690,400
	Giao thông		121.488,902	121.488,902	1.807,000
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 25 huyện Tiên Lãng từ Tỉnh lộ 354 đến Quốc lộ 10	04/QĐ-STC ngày 24/01/2022	121.488,902	121.488,902	1.807,000
	Nông nghiệp, lâm nghiệp		116.767,411	18.883,400	18.883,400
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi Lai - Sàng - Hạng thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ	51/QĐ-STC ngày 28/9/2017; 2261/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	116.767,411	18.883,400	18.883,400
I.2	Y tế, dân số và gia đình		971.323,673	209.478,673	86.221,860
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Hải Phòng (giai đoạn I)	13/QĐ-STC ngày 24/5/2022	919.709,611	157.864,611	80.580,700
2	Nhà điều trị 5 tầng Bệnh viện lao và bệnh Phổi	15/QĐ-STC ngày 06/7/2022	51.614,062	51.614,062	5.641,160
I.3	Bảo vệ môi trường		83.289,000	8.126,000	175,000
1	Dự án các công trình hệ thống xử lý chất thải 10 bệnh viện đa khoa thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện do Ngân hàng thế giới tài trợ	73/QĐ-STC ngày 26/12/2018; 77/QĐ-STC ngày 26/12/2018; 80/QĐ-STC ngày 26/12/2018; 81/QĐ-STC ngày 26/12/2018; 82/QĐ-STC ngày 26/12/2018; 83/QĐ-STC ngày 26/12/2018; 84/QĐ-UBND ngày 26/12/2018; 85/QĐ-STC ngày 26/12/2018; 86/QĐ-STC ngày 27/12/2018 87/QĐ-STC ngày 26/12/2018	83.289,000	8.126,000	175,000
I.4	Giáo dục đào tạo		46.622,742	46.622,742	9.588,090
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu, huyện Vĩnh Bảo đạt chuẩn quốc gia (giai đoạn I)	10/QĐ-STC ngày 19/4/2022	46.622,742	46.622,742	9.588,090

STT	Đơn vị	Quyết định đầu tư, điều chỉnh/Quyết toán/Giá trị dự toán			Vốn đầu tư công năm 2022 bổ sung kỳ này
		Số Quyết định	TMĐT/Giá trị quyết toán	Trong đó: NSTP	Tổng số
II	Dự án chuyển tiếp cần bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện		19.725.123,200	18.297.521,912	2.013.568,000
II.1	Các hoạt động kinh tế		19.543.436,912	18.257.885,912	2.011.568,000
	Giao thông		6.720.634,912	6.688.354,912	1.563.968,000
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cát Hải - Cát Bà (đoạn Cái Viềng - Mốc Trắng)	2275/QĐ-UBND ngày 20/11/2007; 1122/QĐ-UBND ngày 17/6/2009; 356a/QĐ-UBND ngày 20/02/2017; 2387/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	669.705,000	637.425,000	5.268,000
2	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 đoạn từ Đá Bạc đến Cầu Kiền	3095/QĐ-UBND ngày 07/10/2020; 2287/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	1.653.790,261	1.653.790,261	441.800,000
3	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 354 qua khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá huyện Kiến Thụy	2650/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	924.238,000	924.238,000	100.000,000
4	Cải tạo, nâng cấp đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông Khu đô thị và Công nghiệp bến Rừng, huyện Thủy Nguyên	2626/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1408/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	1.245.003,663	1.245.003,663	92.500,000
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng Nước từ chân cầu Bình nối với đường 359 tại Thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	2636/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 2433/QĐ-UBND ngày 10/10/2019; 652/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	1.035.392,522	1.035.392,522	600.000,000
6	Xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba Vạn Bún (đường Lý Thái Tổ), quận Đồ Sơn	1963/QĐ-UBND ngày 10/7/2020	832.688,527	832.688,527	300.000,000
7	Dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường Máng Nước (từ ngã tư đường Tôn Đức Thắng - Quốc lộ 5 đến đường Tỉnh 351)	908/QĐ-UBND ngày 02/4/2011; 1163/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	359.816,939	359.816,939	24.400,000



STT	Đơn vị	Quyết định đầu tư, điều chỉnh/Quyết toán/Giá trị dự toán			Vốn đầu tư công năm 2022 bổ sung kỳ này
		Số Quyết định	TMĐT/Giá trị quyết toán	Trong đó: NSTP	Tổng số
	Nông nghiệp, lâm nghiệp		2.790.411,000	1.537.140,000	163.300,000
1	Xây dựng công trình Kiên cố hóa và điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đề tã Lạch Tray từ An Đồng đến Cầu Rào, đoạn K19+000 đến K25+750	871/QĐ-UBND ngày 02/6/2010, 2385/QĐ-UBND ngày 19/10/2015, 2895/QĐ-UBND ngày 02/11/2018, 2605/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	199.620,000	125.120,000	5.800,000
2	Dự án Củng cố, bảo vệ và nâng cấp tuyến đề biển I, đoạn từ K0+000-K11+500 và K17+000-K17+591	1843/QĐ-UBND ngày 17/9/2009; 2337/QĐ-UBND ngày 28/12/2012	306.753,000	154.753,000	7.500,000
3	Xây dựng tuyến đề biển Nam Đình Vũ thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	955/QĐ-BQL ngày 20/12/2010, 2584/QĐ-UBND ngày 27/12/2013, 2131/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	2.284.038,000	1.257.267,000	150.000,000
	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		10.032.391,000	10.032.391,000	284.300,000
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm	2008/QĐ-UBND ngày 15/9/2016; 2632/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	9.899.085,000	9.899.085,000	250.000,000
2	Đầu tư xây dựng Công viên cây xanh nút giao Nam cầu Bính	701/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	133.306,000	133.306,000	34.300,000
II.2	Thể dục thể thao		106.841,288	31.841,000	500,000
1	Dự án Khu huấn luyện đua thuyền HP - Giai đoạn I	2104/QĐ-UBND ngày 30/11/2012; 1155/QĐ-UBND ngày 09/6/2014; 1117/QĐ-UBND ngày 16/4/2021; 1606/QĐ-UBND ngày 01/6/2022	106.841,288	31.841,000	500,000
II.3	Y tế, dân số và gia đình		74.845,000	7.795,000	1.500,000
1	Dự án đầu tư Cung cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng		74.845,000	7.795,000	1.500,000
III	Các dự án khởi công mới		3.819.586,777	3.775.687,777	1.216.058,205
III.1	Các hoạt động kinh tế		3.614.542,457	3.570.643,457	1.161.058,205



STT	Đơn vị	Quyết định đầu tư, điều chỉnh/Quyết toán/Giá trị dự toán			Vốn đầu tư công năm 2022 bổ sung kỳ này
		Số Quyết định	TMĐT/Giá trị quyết toán	Trong đó: NSTP	Tổng số
	Giao thông		3.090.547,0	3.077.948,0	964.058,205
1	Xây dựng đường Đỗ Mười kéo dài đến đường trục VSIP và phát triển đô thị vùng phụ cận	2262/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.066.840,0	1.066.840,0	481.858,205
2	Xây dựng nút giao thông khác mức tại ngã tư đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5	2112/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	688.831,000	688.831,000	300.000,000
3	Xây dựng cầu Lại Xuân và cải tạo, mở rộng đường tỉnh 352	2272/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	1.334.876,000	1.322.277,000	182.200,000
	Nông nghiệp, lâm nghiệp		204.060,969	204.060,969	81.000,000
1	Dự án ĐTXD công trình bổ sung, cải thiện chất lượng nguồn nước sông Rế	2259/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	92.260,000	92.260,000	25.000,000
2	Dự án phòng, chống sạt lở núi Thiên Văn, quận Kiến An (giai đoạn 1)	2260/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	111.800,969	111.800,969	56.000,000
	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		319.934,5	288.634,5	116.000,000
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại tổ dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An	2266/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	86.971,0	55.671,0	16.000,000
2	Xây dựng khu tái định cư đảo Cát Hải tại xã Nghĩa Lộ và tuyến đường kết nối khu tái định cư với đường Tân Vũ - Lạch Huyện	1728/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	232.963,488	232.963,5	100.000,000
III.2	Y tế, dân số và gia đình		105.328,720	105.328,720	25.000,000
1	Xây dựng nhà điều trị bệnh nhân 7 tầng tại Bệnh viện Kiến An	2288/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	105.328,720	105.328,720	25.000,000
III.3	Bảo vệ môi trường		99.715,600	99.715,600	30.000,000
1	Dự án Trung tâm điều khiển tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường và lắp đặt các trạm quan trắc môi trường tự động giai đoạn 1	2281/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	99.715,600	99.715,600	30.000,000

